PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN SUNFUA ĐA KIM CHỨA VÀNG TRONG DIỆN TÍCH DỰ ÁN THỦY ĐIỆN ĐĂK MI 1, XÃ ĐĂK CHOONG, HUYỆN ĐĂK GLEI, TỈNH KON TUM

(Kèm theo Quyết định số: 1279 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

1. Thông tin về Phương án

- Tên Phương án: Khai thác khoáng sản sunfua đa kim chứa vàng trong diện tích dự án thủy điện Đăk Mi 1, xã Đăk Choong, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum.

- Địa điểm thực hiện: Xã Đăk Choong, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum.

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Long Phát Kon Tum.

- Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc Triệu - Chức vụ: Giám đốc.

- Địa chỉ liên hệ: 155, Ba Đình, phường Thắng Lợi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Số điện thoại: 0982.658.283 / 0968.943.679.

1.1. Phạm vi, quy mô, công suất của Phương án:

- Phạm vi: Khu vực thực hiện Phương án thuộc xã Đăk Choong, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum.

- Diện tích đất, mặt nước sử dụng: 24,7 ha. Trong đó:

+ Khu vực khai thác số 1: Diện tích 17,87 ha nằm trên sông và bãi bồi ven sông Đăk Mi thuộc lòng hồ thủy điện Đăk Mi 1. Toạ độ các điểm góc:

Điểm góc	Tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $107^0 30'$, múi 3^0		Điểm góc	Tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $107^0 30'$, múi 3^0	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
1	1679337	532237	6	1679030	533570
2	1679050	532950	7	1679077	533231
3	1679150	533255	8	1678957	533005
4	1679200	533977	9	1678987	532808
5	1679120	533995	10	1679283	532200

+ Khu vực khai thác số 2: Diện tích 5,41 ha trên suối và bãi bồi ven suối Đăk Choong thuộc lòng hồ thủy điện Đăk Mi 1. Toạ độ các điểm góc:

Điểm góc	Tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $107^0 30'$, múi 3^0		Điểm góc	Tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $107^0 30'$, múi 3^0	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
11	1679559	531792	15	1678887	531600
12	1679527	531819	16	1678900	531505

Điểm góc	Tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $107^0 30'$, múi 3^0		Điểm góc	Tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $107^0 30'$, múi 3^0	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
13	1679351	531597	17	1679360	531531
14	1679074	531612	11	1679559	531792

+ Bãi chứa quặng và công trình phụ trợ: Có diện tích 1,42 ha. Tọa độ các điểm góc:

Điểm góc	Tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $107^0 30'$, múi 3^0		Điểm góc	Tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $107^0 30'$, múi 3^0	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
1	1679300	531959	3	1679147	531927
2	1679258	532012	4	1679196	531869

- Quy mô, công suất:

+ Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác: 51.000 tấn.

+ Trữ lượng khai thác: 51.000 tấn quặng thể tự nhiên.

+ Công suất được xác định là 51.000 tấn quặng sulfua đa kim chứa vàng/năm.

1.2. Tổng vốn đầu tư Phương án: 2.580.000.000 đồng (*Hai tỷ, năm trăm tám mươi triệu đồng*).

1.3. Thời gian hoạt động của Phương án: 1,5 năm ≈ 18 tháng; phụ thuộc vào tiến độ thi công công trình thủy điện Đăk Mi 1.

1.4. Công nghệ áp dụng:

- Đối với thân quặng: San gạt dồn đống lớp phủ trên bề mặt; dùng xe xúc gắn đầu nhọn và thiết bị đục, phá vỡ thân quặng, từ đó gom đống và dùng xe xúc để đưa quặng nguyên khai (đã phá vỡ) về bãi chứa quặng.

- Đối với quặng lăn: Dùng xe xúc để xúc quặng đưa lên hệ thống sàng rung để lựa quặng lăn chứa vàng, sau đó chuyển về bãi chứa quặng. Trong quá trình khai thác không tiến hành khoan đục để lấy quặng nguyên khối mà chỉ khai thác quặng lăn dưới lòng sông.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Phương án

2.1. Các tác động môi trường chính của Phương án:

Các tác động môi trường chính của Phương án bao gồm tác động từ nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, khí thải, bụi, tiếng ồn phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển quặng.

2.2. Quy mô, tính chất nước thải:

a) Giai đoạn triển khai xây dựng dự án:

- Nước thải sinh hoạt khoảng 1,6 m^3/ngày đêm. Thành phần: Chất rắn lơ lửng, các chất hữu cơ, dầu mỡ và các vi sinh vật.

- Nước mưa chảy tràn lớn nhất khoảng 40.952,4m^3/tháng mưa. Thành phần: Đất, cát, sinh khối thực vật, chất rắn lơ lửng.

b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

- Nước thải sinh hoạt khoảng 0,96 m^3/ngày đêm. Thành phần: Chất rắn lơ lửng, các chất hữu cơ, dầu mỡ và các vi sinh vật.

- Nước mưa chảy tràn lớn nhất khoảng 40.952,4m^3/tháng mưa. Thành phần: Đất, cát, sinh khối thực vật, chất rắn lơ lửng.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

a) Giai đoạn triển khai xây dựng:

- Bụi phát sinh trong quá trình san gạt tạo mặt bằng bãi chứa quặng và làm đường giao thông tới khu vực mở vỉa.

- Khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu của động cơ máy móc: Các máy móc thiết bị phục vụ xây dựng tại khu vực dự án, chủ yếu sử dụng nhiên liệu dầu diezel. Thành phần: Bụi, CO, SO_2, NO_2, Hidrocacbon.

b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

Bụi, khí thải phát sinh từ máy móc, thiết bị khai thác, bốc xúc, vận chuyển quặng. Thành phần: Bụi, CO, SO_2, NO_2, Hidrocacbon.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

a) Giai đoạn triển khai xây dựng dự án:

Chất thải rắn sinh hoạt ước tính khoảng 16kg/ngày. Thành phần: Túi nilon, giấy vụn, vỏ hộp, thức ăn dư thừa.

b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 18,5 kg/ngày. Thành phần: Túi nilon, giấy vụn, vỏ hộp, thức ăn dư thừa.

- Khối lượng đất bóc tầng phủ khoảng 143.925m^3 (*Tính toán tổng khối lượng đất đá thải trên cơ sở thực hiện bóc phủ toàn bộ khu vực khai thác. Tuy nhiên, khi triển khai thực tế, Công ty không tiến hành khai thác toàn bộ khu vực thân quặng mà chỉ tiến hành khai thác tại các vị trí mà đơn vị chủ hồ Thủy điện Đăk Mi 1 cho phép và các vị trí có độ dốc thấp đảm bảo không gây sự cố sạt lở*)

- Khối lượng chất thải rắn phát sinh trong giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường khoảng 86m^3 rác thải, cành cây, bùn đất.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

a) Giai đoạn triển khai xây dựng:

Chất thải nguy hại chủ yếu là dầu mỡ thải phát sinh do quá trình bảo dưỡng, sửa chữa các phương tiện máy móc, khối lượng khoảng 7,8 kg/tháng.

b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

Chất thải nguy hại phát sinh gồm: Dầu, nhớt thải, giẻ lau nhiễm dầu, thùng, can chứa dầu, bóng đèn thải bỏ,... Khối lượng phát sinh khoảng 25,05 kg/tháng.

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác.

Tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình khai thác; hoạt động của phương tiện vận chuyển, thiết bị, máy móc khai thác, chế biến.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Phương án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Thu gom và xử lý bằng công trình bể tự hoại 3 ngăn dung tích 2m^3 được xây dựng từ giai đoạn xây dựng và sử dụng cho toàn bộ thời gian hoạt động của dự án.

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực bãi chứa quặng: Bố trí mương đất thoát nước xung quanh kích thước 205×0,3×0,4m, trên mương này bố trí các hố ga để lắng cát với kích thước 1×1×1m trước khi ra nguồn tiếp nhận.

* *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Xử lý nước thải sinh hoạt đạt QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Lên kế hoạch phân bố xe vận chuyển quặng hợp lý, có bạt che chắn..

- Tiến hành phun nước vào khu vực khai thác *(đối với thân quặng)* trong khâu khai thác.

- Các phương tiện ra khỏi khu vực khai thác và khu vực bãi chứa quặng *(đất, cát,... bám dính trên phương tiện vận chuyển)* cần được vệ sinh.

- Các phương tiện giao thông hạn chế nổ máy trong thời gian chờ bốc dỡ, các máy móc phải tắt máy khi không sử dụng.

- Phương tiện vận chuyển các xe được che chắn, không gây rơi vãi vật liệu, chất thải ra đường. Sử dụng máy móc thiết bị đã qua đăng kiểm.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân lao động.

* *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Xử lý bụi và khí thải đạt QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 26/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc và QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi, giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 02 thùng rác kích thước 41×33×61cm để thu gom, vận chuyển đến vị trí tập kết chất thải rắn sinh hoạt của địa phương để đơn vị chức năng thu gom và xử lý.

- Khối lượng đất bóc tầng phủ: Thực hiện khai thác theo từng khoảnh, Chủ dự án bố trí vị trí thích hợp trong khu vực khai thác *(bãi thải trong)* để dự trữ đất bóc, sau khi kết thúc khai thác tại vị trí đó sẽ tiến hành hoàn thổ ngay.

- Chất thải rắn phát sinh trong giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường: Được thu gom, vận chuyển đến vị trí chôn lấp chất thải rắn của địa phương.

* *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý, thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Thu gom, phân loại, tách riêng từng loại CTNH, dụng cụ lưu chứa bảo đảm không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường và được dán nhãn (*tên CTNH, mã CTNH*).

- Lưu giữ trong kho chứa chất thải nguy hại, diện tích 10m^2 và hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý; đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định.

** Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Chủ dự án thực hiện đầy đủ việc quản lý, xử lý chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:

- Sử dụng trang thiết bị đã qua kiểm tra, bảo dưỡng, không quá cũ.

- Bố trí nơi ở, nghỉ ngơi của công nhân phù hợp.

- Bố trí thời gian làm việc hợp lý, không làm việc trong giờ ăn, giờ nghỉ để hạn chế ảnh hưởng của tiếng ồn đến công nhân và người dân gần khu vực.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân, trang bị nút tai cho công nhân trực tiếp vận hành máy móc, thiết bị và công nhân làm việc gần vị trí phát sinh tiếng ồn.

** Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đạt tiêu chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc tiếng ồn cho phép tại nơi làm việc.

3.6. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường:

a) Nội dung thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường:

- Nội dung thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường:

+ Tháo dỡ, san gạt làm sạch sạn, quặng bãi chứa quặng trên 1,42ha đất thuê, tháo dỡ khoảng 350m^2 tôn.

+ Nạo vét, san gạt, thu dọn chướng ngại vật tại khu vực lòng sông, suối khoảng 24m^3 rác thải, cành cây,...

+ San ủi, đầm nén tại các hào, hố, giếng khai thác khoảng 143.925m^3.

b) Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: 159.453.120 đồng *(Một trăm năm mươi chín triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn, một trăm hai mươi đồng)*. Số lần ký quỹ: 01 lần.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum.

+ Số tài khoản nhận tiền ký quỹ: 110616717777 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh tỉnh Kon Tum.

+ Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2021 *(năm phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường).*

- Thời điểm thực hiện ký quỹ, cải tạo, phục hồi môi trường: thực hiện ký quỹ trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

3.7. Các biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó rủi ro, sự cố môi trường:

** Sự cố cháy nổ*

- Áp dụng các quy định về phòng chống cháy nổ, thực hiện theo Luật PCCC; Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

- Trang bị bình cứu hỏa, các dụng cụ chữa cháy tức thời.

- Thường xuyên tập huấn cho cán bộ công nhân về công tác an toàn lao động và phòng chống cháy nổ.

- Sử dụng tối đa các loại vật liệu chống cháy, khó cháy tại những khu vực có nguy cơ xảy ra các sự cố về cháy cao.

- Đặt các biển cảnh báo dễ cháy, yêu cầu các cán bộ công nhân viên tuân thủ các quy định về PCCC.

** Sự cố rò rỉ dầu, nhớt*

- Hàng ngày tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị, các dụng cụ chứa nhiên liệu trước khi khai thác.

- Khi nạp nhiên liệu cho động cơ cần có khăn, giẻ lau để thấm hút nhiên liệu bị đổ, rò rỉ ra ngoài.

- Nếu có sự cố rò rỉ dầu, nhớt xảy ra: Cần tiến hành rải phao bao quanh vị trí dầu tràn và dùng bơm hút dầu tràn, đem về kho chứa CTNH theo quy định.

** Sự cố thiên tai, bão lũ*

<u>Kế hoạch phòng chống bão lũ</u>:

- Lập kế hoạch phòng chống bão lụt hàng năm.

- Kế hoạch phòng chống bão lụt phải bao gồm các công việc, biện pháp và chi phí có liên quan đến công tác phòng chống bão lụt để dự án đủ điều kiện hoạt động bình thường, an toàn trong mùa mưa bão.

- Các công việc trong kế hoạch phải thực hiện xong trước mùa mưa bão:

+ Thành lập đội chỉ đạo công tác phòng chống bão lụt của dự án.

+ Đặc biệt trong mùa mưa bão phải thực hiện nghiêm ngặt việc kiểm tra thường xuyên công tác phòng chống bão lụt của đơn vị mình.

- Sau khi kế hoạch phòng chống bão lụt được duyệt, dự án phải có trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch theo đúng quy định và tiến độ đã quy định.

<u>Triển khai phòng chống bão lụt</u>:

- Công tác phòng chống bão lụt phải thực hiện theo đúng quy định của văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và của các bộ ngành liên quan.

- Các kho và bãi chứa quặng được bố trí ở nơi không có ngập lụt do mưa lũ gây ra, có hệ thống thoát nước ở xung quanh kho, bãi chứa quặng.

- Các trang thiết bị dự phòng, sửa chữa phải đặt ở vị trí không bị sụt lún, không bị ngập nước hoặc có nước chảy qua khi có mưa bão.

- Trước mùa mưa *(1 tháng),* phải kiểm tra, xem xét các khu vực dễ bị sạt lở do mưa bão. Lập kế hoạch giải quyết sớm hoặc khoanh vùng nguy hiểm, không cho người hoặc thiết bị, xe máy vào vùng nguy hiểm đó.

- Các phương án sản xuất trong mùa mưa bão phải lập các tình huống dự phòng, chuẩn bị sẵn sàng lối rút cho máy móc, thiết bị ra khỏi chỗ có thể bị ngập nước, nguy hiểm.

- Sau mỗi trận mưa, bão, lũ lụt phải tổ chức kiểm tra toàn bộ các công trình, kho, bãi chứa quặng và công trình thoát nước, ngăn nước, nếu phát hiện hư hỏng thì phải sửa chữa kịp thời.

** Sự cố xói mòn, sạt lở*

Nhằm hạn chế sạt lở, xói mòn trong quá trình khai thác đơn vị sẽ áp dụng một số biện pháp như sau:

- Tuân thủ khoảng cách an toàn đối với bờ sông.

- Cắm các điểm mốc khai thác để đảm bảo khai thác đúng ranh giới cho phép.

- Thiết kế và bố trí khoảnh khai thác với sản lượng phụ hợp cho từng năm trong quá trình khai thác.

- Khống chế mức sâu khai thác (2m) theo đúng giấy phép đã quy định.

- Làm mương thoát nước tại khu vực sàng rung quặng.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Phương án

- Nhà vệ sinh và bể tự hoại.
- Thùng đựng chất thải rắn sinh hoạt.
- Kho chứa chất thải nguy hại.
- Công trình cải tạo phục hồi môi trường.

5. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng, giai đoạn khai thác và cải tạo phục hồi môi trường:

Nội dung quan trắc	**Điểm quan trắc**	**Thông số quan trắc**	**Tần suất quan trắc**
Giai đoạn thi công xây dựng			
Không khí	+ Tại khu vực khai thác 1. Tọa độ: *(X = 1679337; Y = 532237).* + Tại khu vực khai thác 2. Tọa độ: *(X = 1679500; Y = 531721).* + Tại khu vực bãi chứa quặng. Tọa độ: *(X = 1679177, Y = 531954).* + Tại nhà dân gần nhất. Tọa độ: *(X = 1678111, Y = 531075).*	Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, tiếng ồn, độ rung, bụi; CO; NO_2; SO_2	3 tháng/lần

Nước mặt	+ Tại khu vực khai thác 1. Tọa độ: *(X = 1679303; Y = 532244).* + Tại khu vực khai thác 2. Tọa độ*: (X = 1679501; Y = 531758).*	pH, TSS, COD, BOD_5, DO, Amoni, Tổng P, Fe, Cu, Pb, Độ đục, Dầu mỡ, E-Coli, Tổng Coliform	3 tháng/lần
Giám sát khác	- Giám sát chất thải rắn sinh hoạt - Giám sát chất thải nguy hại - Giám sát xón mòn, sạt lở	Thành phần, khối lượng	Thường xuyên trong tuần
Giai đoạn hoạt động			
Không khí	+ Tại khu vực khai thác 1. Tọa độ: *(X = 1679337; Y = 532237).* + Tại khu vực khai thác 2. Tọa độ: *(X = 1679500; Y = 531721).* + Tại khu vực bãi chứa quặng. Tọa độ: *(X = 1679177, Y = 531954).* + Tại nhà dân gần nhất. Tọa độ: *(X = 1678111, Y = 531075).*	Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, tiếng ồn, độ rung, bụi; CO; NO_2; SO_2	3 tháng/lần
Nước mặt	+ Thượng nguồn khu vực khai thác 1. Tọa độ: *(X = 1679295; Y = 534867).* + Tại khu vực khai thác 1. Tọa độ: *(X = 1679303; Y = 532244).* + Hạ nguồn khu vực khai thác 1. Tọa độ: *(X = 1679692; Y = 532087).* + Thượng nguồn khu vực khai thác 2. Tọa độ: *(X = 1678706; Y = 531518).* + Tại khu vực khai thác 2. Tọa độ: *(X = 1679501; Y = 531758).* + Hạ nguồn khu vực khai thác 2. Tọa độ: *(X = 1679718; Y = 531867).*	pH, TSS, COD, BOD_5, DO, Amoni, Tổng P, Fe, Cu, Pb, Độ đục, Dầu mỡ, E-Coli, Tổng Coliform	3 tháng/lần
Giám sát khác	- Giám sát chất thải rắn sinh hoạt - Giám sát chất thải nguy hại - Giám sát xón mòn, sạt lở	Thành phần, khối lượng	Thường xuyên trong tuần
Giai đoạn đóng cửa mỏ: Giám sát quá trình cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác trong suốt quá trình thực hiện.			

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Trong quá trình triển khai xây dựng và hoạt động của dự án yêu cầu Chủ đầu tư thực hiện nghiêm các quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Luật Khoáng sản, Luật Đất đai, Luật Tài nguyên nước, Luật Đa dạng sinh học...

- Thực hiện các quy định về bảo vệ lòng, bờ, bãi sông đối với hoạt động khai thác theo quy định tại Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

- Thực hiện các quy định về an toàn trong thi công, khai thác. Tổ chức việc khai thác theo đúng tọa độ, diện tích trữ lượng của dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; chống trôi trượt đất đá ra môi trường xung quanh. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của dự án; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan nơi có dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý.

- Thực hiện việc cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo đúng quy định. Chủ đầu tư có trách nhiệm kê khai tiền ký quỹ theo mẫu quy định tại Phụ lục số 12 Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và nộp vào tài khoản ký quỹ theo quy định. Lập, trình Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành từng phần hoặc toàn bộ nội dung Phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

- Thực hiện báo cáo định kỳ về quan trắc và giám sát môi trường, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, quản lý chất thải nguy hại, kết quả giám sát và phục hồi môi trường và các báo cáo môi trường khác, được lồng ghép trong cùng một báo cáo công tác bảo vệ môi trường. Công tác báo cáo thực hiện theo quy định tại Điều 37 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Phối hợp với Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum trong công tác bảo vệ môi trường tại khu vực.

- Thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của Ủy ban nhân dân xã Đăk Choong và những yêu cầu của người dân tại các Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư đính kèm Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Phương án./.